

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 27

Tổ :

Trang 1/1

Mã nhận dạng 00988

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Toán cao cấp B2 - 27-202113

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14149248	NGÔ	ĐIỀN	DH14QMNT	1	7		4.5	5.3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14149249	LÊ THỊ THANH	HẶNG	DH14QMNT	1	6		1.5	2.9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14149250	DƯƠNG THỊ	HIỆP	DH14QMNT	1	8		5	5.9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14149252	LÊ HOÀI	NAM	DH14QMNT	1	5		3.5	4.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14149255	PHAN THÀNH	NGUYỄN	DH14QMNT	1	9		5.5	6.6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14149256	ĐÀNG THỊ CÔNG	NHẬN	DH14QMNT	1	4		2	2.6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14149260	NGUYỄN THỊ	TÂM	DH14QMNT	1	6		4	4.6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14149261	HUỲNH LÊ HỒNG	THÚY	DH14QMNT	1	7		7	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14149262	HỒ THỊ CHUNG	TÌNH	DH14QMNT	1	8		2.5	4.2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14149263	NGUYỄN VĂN	TRUNG	DH14QMNT	1	2		1	1.3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14149265	THÁI THỊ THỦY	TRÚC	DH14QMNT	1	5		3.5	4.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14149343	NGUYỄN VĂN VIỆT	BẢO	DH14QMNT	1	6		5	5.3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14149344	PHẠM ĐĂNG	BẢO	DH14QMNT	1	3		1	1.6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14149345	LÊ THỊ BẢO	CHÂU	DH14QMNT	1	5		3.5	4.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14149346	PHẠM MINH	CHÂU	DH14QMNT	1	5		5	5.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14149348	LÊ KHƯƠNG	CHÍNH	DH14QMNT	1	1		5	3.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14149350	TÔN LƯƠNG BÍCH	DIỆP	DH14QMNT	1	5		5	5.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14149353	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	DH14QMNT	1	9		3.5	5.2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Toán cao cấp B2 - 27-202113

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	14149354	TRƯƠNG THỊ KIẾN	GIANG	DH14QMNT	<i>Kiến</i>	1	5	3.5	4.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14149355	LÊ THANH	HẢI	DH14QMNT	<i>Thanh</i>	1	5	3.5	4.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14149356	HUỖNH THU	HĂNG	DH14QMNT	<i>Thu</i>	1	9	3.5	5.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14149359	VÕ HUY	HOÀNG	DH14QMNT	<i>Huy</i>	1	6	1	2.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14149360	LÊ ANH	HỘ	DH14QMNT	<i>Anh</i>	1	2	2	2.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14149362	TRẦN THỊ XUÂN	HƯƠNG	DH14QMNT	<i>Xuân</i>	1	10	5	6.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14149363	HUỖNH LÊ	KHANH	DH14QMNT	<i>Le</i>	1	5	3	3.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14149364	PHAN THÁI	KHANH	DH14QMNT	<i>Thái</i>	1	6	1.5	2.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	14149365	THÔNG KIM	KHÁNH	DH14QMNT	<i>Kim</i>	1	5	1	2.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14149366	TRẦN ANH	KHOA	DH14QMNT	<i>Anh</i>	1	5	2.5	3.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14149367	LÀ THỊ KIM	KHUYẾN	DH14QMNT						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	14149369	NGUYỄN THỊ KIM	LÀNH	DH14QMNT	<i>Kim</i>	1	5	6	5.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	14149373	NGUYỄN VĂN	MINH	DH14QMNT	<i>Văn</i>	1	2	1	1.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	14149374	NGUYỄN VĂN	MINH	DH14QMNT	<i>Văn</i>	1	3	1	1.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	14149377	VÕ NGỌC PHƯƠNG	NAM	DH14QMNT	<i>Phương</i>	1	5	3	3.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	14149378	TRẦN THỊ MINH	NGA	DH14QMNT	<i>Minh</i>	1	9	5	6.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	14149379	LÊ THỊ THU	NGÂN	DH14QMNT	<i>Thu</i>	1	8	5	5.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	14149380	TRẦN THỊ TUYẾT	NGÂN	DH14QMNT	<i>Tuyết</i>	1	8	10	9.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Toán cao cấp B2 - 27-202113

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	14149384	ĐÀO DUY	NHÂN	DH14QMNT	<i>Nhan</i>	2		2	2.0		
38	14149385	ĐỖ TẤN	NHẬT	DH14QMNT							
39	14149386	NGUYỄN QUÁCH Ý	NHI	DH14QMNT	<i>Nguyet</i>	1		1	1.0		
40	14149387	ĐẶNG THỊ MINH	NHƯ	DH14QMNT	<i>Minh</i>	6		2	3.2		
41	14149388	TRẦN THỊ KHÁNH	NHƯ	DH14QMNT	<i>Phu</i>	9		6	6.9		
42	14149389	NGÔ TRIỆU	PHÁT	DH14QMNT	<i>Phat</i>	4		4	4.0		
43	14149390	PHAN HIẾU	PHONG	DH14QMNT	<i>Phan</i>	5		3.5	4.0		
44	14149392	NGUYỄN VĂN	PHÚC	DH14QMNT	<i>Phu</i>	5		7	6.4		
45	14149395	ĐẶNG ĐỨC	QUỲNH	DH14QMNT	<i>Phu</i>	5		2	2.9		
46	14149396	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	DH14QMNT	<i>Phu</i>	7		4.5	5.3		
47	14149397	TRẦN PHAN TRÚC	QUỲNH	DH14QMNT	<i>Phu</i>	4		4	4.0		
48	14149398	NGUYỄN THỊ	SANG	DH14QMNT	<i>Phu</i>	2		3	2.7		
49	14149404	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH14QMNT	<i>Phu</i>	4		6	5.4		
50	14149405	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH14QMNT	<i>Phu</i>	2		3.5	3.1		
51	14149407	NGUYỄN THỊ THANH	THÁI	DH14QMNT	<i>Phu</i>	7		7	7.0		
52	14149409	PHƯƠNG ÁI	THI	DH14QMNT	<i>Phu</i>	9		10	9.7		
53	14149413	TRƯƠNG THỊ MINH	THƯ	DH14QMNT	<i>Phu</i>	2		5.5	4.5		
54	14149414	LÊ NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	DH14QMNT	<i>Phu</i>	8		5	5.9		

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Toán cao cấp B2 - 27-202113

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	14149415	NGUYỄN THỊ CẨM	TIỀN	DH14QMNT	<i>Cam</i>	5		9	7.8	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	14149416	NGUYỄN ĐĂNG CAO	TIỀN	DH14QMNT	<i>Ca</i>	5		2	2.9	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	14149417	HUỖNH THỊ NHÃN	TÍNH	DH14QMNT	<i>ph</i>	6		4.5	5.0	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	14149418	ĐỖ THỊ HUYỀN	TRANG	DH14QMNT	<i>ph</i>	7		2.5	3.9	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	14149419	ĐẬU KHẮC	TRIỀU	DH14QMNT	<i>lu</i>	6		2	3.2	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	14149420	TRẦN TỔ	TRINH	DH14QMNT	<i>th</i>	7		4.5	5.3	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	14149421	YANG THỊ MỸ	TRINH	DH14QMNT	<i>my</i>	3		2	2.3	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	14149424	ĐÀO NHẬT	TRỌNG	DH14QMNT	<i>ph</i>	9		10	9.7	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	14149425	NGUYỄN MINH	TRỌNG	DH14QMNT	<i>th</i>	5		8	7.1	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	14149426	NGUYỄN TIẾN	TRUNG	DH14QMNT	<i>Trung</i>	4		2	2.6	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	14149427	NGUYỄN THỊ BỘI	TUYỀN	DH14QMNT	<i>Tuyen</i>	5		4	4.3	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
66	14149428	TRẦN MINH	TUYỀN	DH14QMNT	<i>Minh</i>	4		2	2.6	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
67	14149429	NGUYỄN HỮU NGỌC	TỰ	DH14QMNT	<i>ngoc</i>	4		1	1.9	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
68	14149430	NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	DH14QMNT	<i>Phu</i>	2		1.5	1.7	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
69	14149431	PHẠM THANH	UYÊN	DH14QMNT	<i>Phu</i>	8		6	6.6	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
70	14149432	NGUYỄN THỊ BÍCH	VÂN	DH14QMNT	<i>ph</i>	5		2.5	3.3	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
71	14149433	TỔNG THỊ HOÀNG BÍ	VÂN	DH14QMNT	<i>Bich</i>	9		6	6.9	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
72	14149436	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	DH14QMNT	<i>hu</i>	7		3	4.2	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Toán cao cấp B2 - 27-202113

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
73	14149439	NGUYỄN TRẦN ANH	THƠ	DH14QMNT		5		10	8.5		
74	14149440	NGUYỄN THỊ	THÚY	DH14QMNT		7		8.5	8.1		

Số lượng vắng: 1

Hiện diện: : 37

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Minh Hùng

Nguyễn Văn Khấn Thảo